

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Đức Quân

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Ngọc Thịnh

Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1970

HKTT và chỗ ở hiện tại: Số 37A hẻm 162/130/34, phố K T, phường K T, quận T X, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Phúc Hoà, sinh năm 1975

HKTT: Số 21, phố H Q, phường H G, quận H K, Thành phố Hà Nội

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam số 5, huyện Y Đ, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hoàng Minh T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về Quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Minh T và chị Hoàng Thị Phúc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 37A hẻm 162/130/34, phố K T, phường K T, quận T X, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống không hạnh phúc do cả hai đều sa vào tệ nạn lô đề, cờ bạc nên nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Năm 2012, anh T bị Tòa án xử 8 năm tù về tội mua bán ma túy và chấp hành án trại giam Ngọc Lý. Ngày 30/9/2019, anh T chấp hành xong hình phạt, trở về địa phương thì được biết chị H bị Tòa án xử 13 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4, Trại giam số 5, huyện Y Đ, tỉnh Thanh Hóa. Thực tế vợ chồng chỉ chung sống với nhau từ cuối năm 2009 đến năm 2012, còn lại là xa nhau nên không còn tình cảm cũng như ràng buộc gì. Đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T xác nhận vợ chồng không có con chung, không có con nuôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị H về việc đề nghị anh T hỗ trợ 30 triệu đồng chữa bệnh, mặc dù anh T mới chấp hành xong án tù, hiện đang làm bảo vệ nhưng do hoàn cảnh của chị H khó khăn hơn nên anh tự nguyện hỗ trợ cho chị H số tiền 30 triệu đồng. Hiện nay, anh T chưa có đủ số tiền này nên anh sẽ hỗ trợ cho chị Hòa khi có điều kiện.

Bị đơn chị Hoàng Thị Phúc H có lời khai như sau:

- Về Quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 37A hẻm 162/130/34, phố K T, phường K T, quận T X, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn do anh T chơi cờ bạc, ma túy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên sử dụng bạo lực với vợ. Hai bên đã nhiều lần sống ly thân. Năm 2012, anh T bị Tòa án xử 8 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và chấp hành án ở Trại giam Ngọc Lý. Chị H vẫn thường xuyên thăm nom, động viên anh T cải tạo tốt. Đến tháng 7 năm 2016, chị H bị Tòa án xử 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và chấp hành

án tại Trại giam số 5. Đến nay, anh T xin ly hôn, chị H đồng ý. Do hiện nay chị đang ở trong trại, bố mẹ đều đã mất, chị bị u nang và bệnh tiền đình, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị anh T hỗ trợ chị 30 triệu đồng để chữa bệnh.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H xác nhận vợ chồng không có con chung, không có con nuôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không vay vợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị Phúc H có hộ khẩu thường trú: Số 21, phố H Q, phường H G, quận H K, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 4 Trại giam số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, chị H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh Hoàng Minh T. Xử cho anh T được ly hôn chị H. Về con chung: Không có nên không xét; Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không có nên không xét. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T hỗ trợ chị H 30 triệu đồng. Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Minh T xin ly hôn với chị Hoàng Thị Phúc H. Tại thời điểm anh T nộp đơn xin ly hôn, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú số 21, phố Hàng Quạt, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 4 Trại giam số 5, huyện Y Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hòa có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về Quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Minh T và chị Hoàng Thị Phúc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai bên nảy sinh mâu thuẫn do cả hai cùng phải đi chấp hành án về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Anh T xin ly hôn, chị H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh chị đã ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, anh T xin ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh T, anh T được ly hôn chị H. Chị H đề nghị anh T hỗ trợ 30 triệu đồng để chữa bệnh do hoàn cảnh khó khăn. Anh T vừa chấp hành xong hình phạt tù và trở về hòa nhập với cộng đồng, hiện nay đi làm bảo vệ, không có tài sản riêng nhưng anh T đồng ý hỗ trợ chị H khoản tiền 30 triệu đồng để chữa bệnh. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng cho chị H 30 triệu đồng khi anh chị ly hôn.

- Về con chung: Anh chị không có con chung, Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản (động sản và bất động sản), vay, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, vay nợ chung, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí : Anh T phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 115, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của anh Hoàng Minh T. Anh Hoàng Minh T được ly hôn chị Hoàng Thị Phúc H.

2/ Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xét.

3/ Về tài sản, nhà đất, vay nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xét.

4/ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Minh T cấp dưỡng cho chị Hoàng Thị Phúc H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5/ Về án phí: Anh Hoàng Minh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền dự phí số 0017782 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Anh Hoàng Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS Quận Hoàn Kiếm;
- CC Thi hành án Quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- UBND phường Hàng Gai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Quân